

CÔNG BỐ CÔNG KHAI SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

NGUỒN KINH PHÍ: CHI THƯỜNG XUYỀN

ĐƠN VỊ: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày /3/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Chỉ tiêu	Tổng số	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ		Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		TT hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (C417-LK 103)	TT Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (C417-LK 103)
				(C417- LK 341)	(C417- LK 103)	(C417- LK 103)	(C417- LK 341)		
A	B		1	4	5	7	8	10	13
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC								
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	1	4.946.523.490	4.439.100	4.892.307.390	3.377.000	-	46.400.000	-
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	2	7.816.100	4.439.100	-	3.377.000	-	-	-
	- Kinh phí đã nhận (03)	3	-						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc (04)	4	7.816.100	4.439.100		3.377.000			
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	5	4.938.707.390	-	4.892.307.390	-	-	46.400.000	-
	- Kinh phí đã nhận (06)	6	-						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc (07)	7	4.938.707.390		4.892.307.390			46.400.000	
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	8	30.053.924.000	4.638.449.000	17.039.716.000	2.368.598.000	854.000.000	4.673.261.000	479.900.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (09)	9	9.956.424.000	4.611.449.000		2.242.598.000		3.102.377.000	

Chỉ tiêu	Nội dung	Chỉ tiêu	Tổng số	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ		Chỉ cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		TT hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (C417-LK 103)	TT Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (C417-LK 103)
				(C417- LK 341)	(C417- LK 103)	(C417- LK 103)	(C417- LK 341)		
A	B		1	4	5	7	8	10	13
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (10)	10	20.097.500.000	27.000.000	17.039.716.000	126.000.000	854.000.000	1.570.884.000	479.900.000
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	11	35.000.447.490	4.642.888.100	21.932.023.390	2.371.975.000	854.000.000	4.719.661.000	479.900.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12	9.964.240.100	4.615.888.100	-	2.245.975.000	-	3.102.377.000	-
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	25.036.207.390	27.000.000	21.932.023.390	126.000.000	854.000.000	1.617.284.000	479.900.000
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	27.360.022.176	4.491.494.600	15.409.559.976	2.327.691.000	366.382.200	4.291.760.400	473.134.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (15)	15	9.827.966.600	4.479.614.600		2.245.975.000		3.102.377.000	
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (16)	16	17.532.055.576	11.880.000	15.409.559.976	81.716.000	366.382.200	1.189.383.400	473.134.000
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	27.360.022.176	4.491.494.600	15.409.559.976	2.327.691.000	366.382.200	4.291.760.400	473.134.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (18)	18	9.827.966.600	4.479.614.600		2.245.975.000		3.102.377.000	
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (19)	19	17.532.055.576	11.880.000	15.409.559.976	81.716.000	366.382.200	1.189.383.400	473.134.000
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	20	2.956.400.300	151.393.500	1.838.438.400	44.284.000	487.617.800	427.900.600	6.766.000
6.1	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21=22+23+24)	21	136.273.500	136.273.500	-	-	-	-	-
	- Đã nộp NSNN (22)	22	-						

Chỉ tiêu	Nội dung	Chỉ tiêu	Tổng số	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ		Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		TT hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (C417-LK 103)	TT Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (C417-LK 103)
				(C417- LK 341)	(C417- LK 103)	(C417- LK 103)	(C417- LK 341)		
A	B		1	4	5	7	8	10	13
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	23	-			-	-	-	
	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)	24	136.273.500	136.273.500					-
6.2	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	25	2.820.126.800	15.120.000	1.838.438.400	44.284.000	487.617.800	427.900.600	6.766.000
	- Đã nộp NSNN (26)	26	-						
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)	27	-			-	-	-	-
	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)	28	2.820.126.800	15.120.000	1.838.438.400	44.284.000	487.617.800	427.900.600	6.766.000
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	29	-	-	-	-	-	-	-
7.1	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	30	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí đã nhận (31)	31	-						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc (32)	32	-		-	-			
7.2	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	33	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí đã nhận (34)	34	-						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc (35)	35	-		-				
II	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI	36	-						
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	37	130.636.000	130.636.000	-	-	-	-	-

Chỉ tiêu	Nội dung	Chỉ tiêu	Tổng số	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ		Chỉ cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		TT hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (C417-LK 103)	TT Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (C417-LK 103)
				(C417- LK 341)	(C417- LK 103)	(C417- LK 103)	(C417- LK 341)		
A	B		1	4	5	7	8	10	13
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	38	130.636.000	130.636.000	-	-	-	-	-
	- Kinh phí đã nhận (03)	39	-		-				
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc (04)	40	130.636.000	130.636.000					
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	41	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí đã nhận (06)	42	-						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc (07)	43	-						
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	44	63.602.500	63.602.500	-	-	-	-	-
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (09)	45	63.602.500	63.602.500					
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (10)	46	-						
3	Tổng số thu được sử dụng trong năm (11=12+13)	47	194.238.500	194.238.500	-	-	-	-	-
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	48	194.238.500	194.238.500		-	-	-	-
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	49	-	-	-	-	-	-	-
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	50	194.238.500	194.238.500	-	-	-	-	-
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (15)	51	194.238.500	194.238.500	-				

Chỉ tiêu	Nội dung	Chỉ tiêu	Tổng số	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ		Chỉ cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		TT hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (C417-LK 103)	TT Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (C417-LK 103)
				(C417- LK 341)	(C417- LK 103)	(C417- LK 103)	(C417- LK 341)		
A	B		1	4	5	7	8	10	13
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (16)	52	-						
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	53	28.815.600	28.815.600	-	-	-	-	-
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (18)	54	28.815.600	28.815.600					
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (19)	55	-						
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	56	-	-	-	-	-	-	-
6.1	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21=22+23+24)	57	-	-	-	-	-	-	-
	- Đã nộp NSNN (22)	58	-						
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	59	-			-	-	-	-
	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)	60	-			-	-	-	-
6.2	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	61	-	-	-	-	-	-	-
	- Đã nộp NSNN (26)	62	-						
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)	63	-	-	-	-	-	-	-
	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)	64	-	-	-	-	-	-	-
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	65	165.422.900	165.422.900	-	-	-	-	-
7.1	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	66	165.422.900	165.422.900		-	-	-	-

Chỉ tiêu	Nội dung	Chỉ tiêu	Tổng số	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ		Chỉ cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		TT hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (C417-LK 103)	TT Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (C417-LK 103)
				(C417- LK 341)	(C417- LK 103)	(C417- LK 103)	(C417- LK 341)		
A	B		1	4	5	7	8	10	13
	- Kinh phí đã nhận (31)	67	-						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc (32)	68	165.422.900	165.422.900					
7.2	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	69	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí đã nhận (34)	70	-						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc (35)	71	-						
III	NGUỒN THU SỰ NGHIỆP KHÁC	72	-						
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (61=62+63)	73	-	-	-			-	
	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (62)	74	-						
	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (63)	75	-						
2	Dự toán được giao trong năm (64=65+66)	76	-					-	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (66)	77	-						
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (10)	78	-						
3	Số thu được trong năm (67=68+69)	79	-	-	-			-	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (68)	80	-						
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (69)	81	-						
4	Kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)	82	-	-	-			-	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)	83	-					-	

Chỉ tiêu	Nội dung	Chỉ tiêu	Tổng số	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ		Chỉ cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		TT hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (C417-LK 103)	TT Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (C417-LK 103)
				(C417- LK 341)	(C417- LK 103)	(C417- LK 103)	(C417- LK 341)		
A	B		1	4	5	7	8	10	13
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)	84	-					-	
5	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (73=74+75)	85	-	-	-			-	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (74)	86	-						
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (75)	87	-						
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)	88	-	-	-			-	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)	89	-					-	
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)	90	-						